



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/09/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 66 người, trong đó cán bộ quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Bà Lê Quỳnh Trang | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Đặng Thanh Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Ông Thừa Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/03/2023

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thanh Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/04/2025
• Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022 Miễn nhiệm ngày 18/04/2025
• Ông Phạm Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Nguyễn Duy Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022
• Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty

Ngày 26/12/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa khác.

Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tổn thất có thể xảy ra trước tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại 31/12/2025 là 10.470.421.692 đồng và trích lập dự phòng tương ứng.

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:


- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

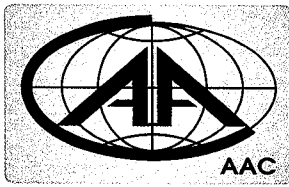
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 26/12/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT về Bộ sách Giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc. Quyết định lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027. Theo đó, tại Công ty đang tồn kho một số bộ sách khác có nguy cơ giảm giá rất mạnh và Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phù hợp với quy định hiện hành..


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 583/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 30/03/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

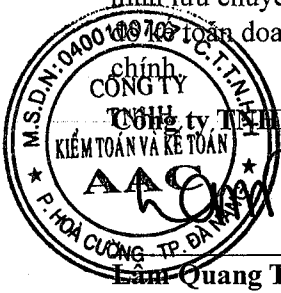
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Nhật Oanh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4031-2022-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.601.580.574	139.846.226.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.285.038.042	68.203.733.540
1. Tiền	111		3.385.038.042	2.203.733.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.900.000.000	66.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.068.600.000	16.083.600.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(168.545.000)	(153.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.872.366.800	32.883.078.722
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	111.610.506.988	31.306.147.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.303.609.284	1.430.270.604
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	857.761.559	1.138.239.602
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(899.511.031)	(991.578.767)
IV. Hàng tồn kho	140	11	28.587.356.283	21.697.129.493
1. Hàng tồn kho	141		53.316.147.996	35.279.601.212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.728.791.713)	(13.582.471.719)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		788.219.449	978.684.935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	782.556.636	978.684.935
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.662.813	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.816.052.545	23.394.182.594
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.244.160.226	16.305.939.826
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.136.664.226	8.476.775.826
- Nguyên giá	222		22.344.568.597	22.202.999.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.207.904.371)	(13.726.223.771)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.107.496.000	7.829.164.000
- Nguyên giá	228		8.464.999.000	8.164.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(357.503.000)	(335.835.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		75.600.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	75.600.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.362.518.175	6.799.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6b	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6b	(1.436.981.825)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		133.774.144	288.742.768
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	133.774.144	288.742.768
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		190.417.633.119	163.240.409.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.094.835.823	65.954.762.265
I. Nợ ngắn hạn	310		94.094.835.823	65.954.762.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16a	62.470.603.722	26.234.871.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.380.337.200	1.458.588.466
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.056.128.081	1.083.585.915
4. Phải trả người lao động	314		5.027.482.800	5.315.436.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	23.725.899.306	30.914.155.160
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	55.721.416	17.839.650
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		378.663.298	930.284.615
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.322.797.296	97.285.647.019
I. Vốn chủ sở hữu	410		96.322.797.296	97.285.647.019
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	10.499.596.414	10.499.596.414
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	38.730.561.849	39.693.411.572
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.375.011.572	31.712.989.031
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.355.550.277	7.980.422.541
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		190.417.633.119	163.240.409.284



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

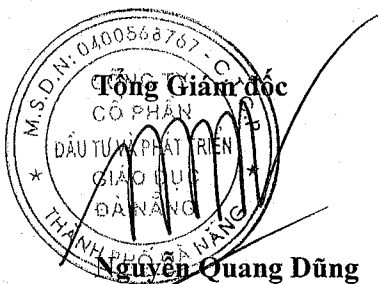
Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	407.661.806.436	515.447.587.688
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	11.360.037.540	15.441.715.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		396.301.768.896	500.005.871.936
4. Giá vốn hàng bán	11	24	328.382.389.221	421.213.417.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>67.919.379.675</u>	<u>78.792.454.168</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.717.449.133	4.568.482.727
7. Chi phí tài chính	22	26	1.800.779.976	1.293.849.627
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	440.180.450
8. Chi phí bán hàng	25	27	35.442.202.725	45.033.499.096
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.893.575.027	21.419.712.497
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>13.500.271.080</u>	<u>15.613.875.675</u>
11. Thu nhập khác	31		3.872	3.150.350
12. Chi phí khác	32		1.873	105.129.498
13. Lợi nhuận khác	40		<u>1.999</u>	<u>(101.979.148)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>13.500.273.079</u>	<u>15.511.896.527</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.055.835.233	4.111.292.898
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>10.444.437.846</u>	<u>11.400.603.629</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.793	1.835
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.793	1.835



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025


Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		307.938.400.693	422.904.750.207
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(329.623.206.172)	(372.785.397.591)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.817.488.094)	(17.783.258.977)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(440.180.450)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(3.110.591.290)	(4.292.776.680)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		841.291.761	830.634.632
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.495.194.951)	(9.637.170.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(50.266.788.053)	18.796.600.883
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14,15	(517.169.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(11.000.000.000)	(12.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	21.000.000.000	15.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	3.183.661.555	1.963.416.566
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.666.492.555	4.963.416.566
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(9.318.400.000)	(9.318.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.318.400.000)	(9.318.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(46.918.695.498)	14.441.617.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	68.203.733.540	53.762.116.091
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	21.285.038.042	68.203.733.540

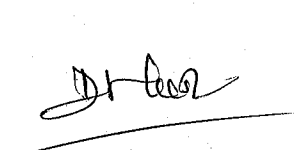

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Người lập biểu


Lê Thị Diệu Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/09/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có hai Công ty liên kết là:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

2. Sự kiện ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 26/12/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa khác.

3. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Năm 2025, các sản phẩm này được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 và Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	160.725.000	285.584.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.224.313.042	1.918.149.015
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	17.900.000.000	66.000.000.000
Cộng	21.285.038.042	68.203.733.540

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	240.000.000	168.545.000	408.545.000	255.000.000	153.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	4.397.250.000	-	3.828.600.000	5.258.250.000	-
Cộng	4.237.145.000	4.637.250.000	168.545.000	4.237.145.000	5.513.250.000	153.545.000

(*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2025				01/01/2025			
Tỷ lệ vốn		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	1.436.981.825		5.449.500.000	-	
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	20%	2.530.000.000	-		2.530.000.000	-	
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	25,92%	2.919.500.000	1.436.981.825		2.919.500.000	-	2.306.405.000
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-		1.350.000.000	-	
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	8,76%	350.000.000	-		350.000.000	-	
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (4)	2,27%	1.000.000.000	-	1.060.000.000	1.000.000.000	-	1.400.000.000
Cộng		6.799.500.000	1.436.981.825		6.799.500.000	-	

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu (1), (2), (3) tại ngày 31/12/2025; Do đó, không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Trong đó:

- (1), (3) Là các cổ phiếu chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch
- (2) Cổ phiếu BDB bị hủy niêm yết do không còn đủ điều kiện là Công ty đại chúng
- (4) Cổ phiếu SMN đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Theo đó, giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

8. Phải thu của khách hàng**a. Ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	20.276.212.970	4.574.341.299
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	42.024.047.310	9.465.543.864
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	11.905.494.132	681.842.940
Công ty TNHH Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Nam	16.359.195.315	1.653.255.337
Các đối tượng khác	21.045.557.261	14.931.163.843
Cộng	111.610.506.988	31.306.147.283

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	6.429.451.968	2.958.866.393
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	2.713.160.788	292.454.775

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH TM và DV P.C.C.C Nguyễn Nam Hải	869.096.632	869.096.632
Các đối tượng khác	434.512.652	561.173.972
Cộng	1.303.609.284	1.430.270.604

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	839.751.970	-	884.784.807	-
Phải thu khác	18.009.589	-	253.454.795	-
- Lãi dự thu	18.009.589	-	253.454.795	-
- Các khoản khác	-	-	-	-
Cộng	857.761.559	-	1.138.239.602	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư đầu năm	991.578.767	1.230.063.637
Trích lập trong năm	10.512.838	77.464.784
Hoàn nhập trong năm	102.580.574	315.949.654
Số dư cuối năm	899.511.031	991.578.767

Nợ xấu:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Gia Lai CTC	121.138.111	-	121.138.111	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Sách-TB Thành Phát	271.850.175	-	271.850.175	-
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Vạn Nhật Tường	86.828.262	26.048.479	116.828.262	58.414.131
Các đối tượng khác	454.396.642	8.653.680	587.937.522	47.761.172
Cộng	934.213.190	34.702.159	1.097.754.070	106.175.303

12. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.906.117.715	-	2.577.882.610	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.331.581.272	-	5.836.332.624	-
Thành phẩm	9.087.943.567	5.336.820.488	6.900.482.945	4.712.073.315
Hàng hóa	38.990.505.442	19.391.971.225	19.964.903.033	8.870.398.404
Cộng	53.316.147.996	24.728.791.713	35.279.601.212	13.582.471.719

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 2, kể từ năm học 2026–2027, bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” sẽ là bộ sách giáo khoa duy nhất được sử dụng toàn quốc. Các bộ sách giáo khoa khác sẽ bị ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tồn thất có thể xảy ra trước tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại 31/12/2025 là 10.470.421.692 đồng; và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Thuê GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	774.982.561	978.684.935
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.574.075	-
Cộng	782.556.636	978.684.935

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	98.038.852	167.242.768
Phí dịch vụ Cloud server	35.735.292	121.500.000
Cộng	133.774.144	288.742.768

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2047.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.653.606.733	5.877.228.182	672.164.682	-	22.202.999.597
Mua sắm	-	-	67.689.000	73.880.000	141.569.000
Phân loại lại	(56.450.000)	-	56.450.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	15.597.156.733	5.877.228.182	796.303.682	73.880.000	22.344.568.597
Khấu hao					
Số đầu năm	9.338.533.680	3.722.505.408	665.184.683	-	13.726.223.771
Khấu hao	719.112.000	729.480.600	23.240.000	9.848.000	1.481.680.600
Phân loại lại	(62.774.175)	52.190.175	10.584.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.994.871.505	4.504.176.183	699.008.683	9.848.000	15.207.904.371
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.315.073.053	2.154.722.774	6.979.999	-	8.476.775.826
Số cuối năm	5.602.285.228	1.373.051.999	97.294.999	64.032.000	7.136.664.226

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 3.746.518.724 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.799.999.000	365.000.000	8.164.999.000
Mua sắm	-	300.000.000	300.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	7.799.999.000	665.000.000	8.464.999.000
Khấu hao			
Số đầu năm	-	335.835.000	335.835.000
Khấu hao	-	21.668.000	21.668.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	357.503.000	357.503.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.799.999.000	29.165.000	7.829.164.000
Số cuối năm	7.799.999.000	307.497.000	8.107.496.000

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 315.000.000 đồng.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí tư vấn thiết kế kỹ thuật điều chỉnh cải tạo hệ thống PCCC	75.600.000	-
Cộng	75.600.000	-

17. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	40.790.391.344	18.468.707.285
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	12.878.852.868	-
Các đối tượng khác	8.801.359.510	7.766.164.267
Cộng	62.470.603.722	26.234.871.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	49.090.909
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	40.790.391.344	18.468.707.285
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	12.878.852.868	-
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	874.558.235	1.463.819.145
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.378.223.736	3.627.492.634
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	203.592.270	1.057.305.630
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	788.156.760	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.312.763.390	126.021.050
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	23.368.840
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	1.069.348.100	398.299.500
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	190.139.500	138.871.800
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	98.677.700	636.613.805
Công ty CP Đầu Tư và Xuất bản Giáo dục	321.770.140	38.720.100

18. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bên liên quan)	920.548.490	920.548.490
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Lam Đạt	142.825.030	183.540.990
Các đối tượng khác	163.680	37.698.986
Cộng	1.380.337.200	1.458.588.466

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	93.008.276	751.243.682	844.251.958	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	493.143.309	3.055.835.233	3.110.591.290	438.387.252
Thuế thu nhập cá nhân	497.434.330	1.254.243.201	1.133.936.702	617.740.829
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.083.585.915	5.064.322.116	5.091.779.950	1.056.128.081

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bản thảo, bản quyền phải trả Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (bên liên quan)	23.725.899.306	30.914.155.160
Cộng	23.725.899.306	30.914.155.160

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	54.956.766	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	444.650	17.519.650
Cộng	55.721.416	17.839.650

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.929.566.232	41.031.389.031
Tăng trong năm	-	-	570.030.182	11.400.603.629
Giảm trong năm	-	-	-	12.738.581.088
Số dư tại 31/12/2024	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	39.693.411.572
Số dư tại 01/01/2025	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	39.693.411.572
Tăng trong năm	-	-	-	10.444.437.846
Giảm trong năm	-	-	-	11.407.287.569
Số dư tại 31/12/2025	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	38.730.561.849

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	39.693.411.572	41.031.389.031
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	10.444.437.846	11.400.603.629
Phân phối lợi nhuận (*)	11.407.287.569	12.738.581.088
Phân phối lợi nhuận năm trước	9.318.400.000	9.318.400.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	9.318.400.000	9.318.400.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	2.088.887.569	3.420.181.088
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	-	570.030.182
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	2.088.887.569	2.280.120.724
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	-	570.030.182
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.730.561.849	39.693.411.572

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025, tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BB-HĐQT-DEIDCO-HĐQT ngày 05/02/2026.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng) và chi bổ sung cổ tức 5%/vốn điều lệ (tương ứng: 2.329.600.000 đồng) từ lợi nhuận còn lại của năm 2024 và các năm trước. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào các ngày 10/01/2025, 16/06/2025 và đã chi trả cổ tức trong năm.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 52/NQ-DEIDCO-HĐQT ngày 27/12/2025 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt là 15%/mệnh giá. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2025 là ngày 23/01/2026, ngày thực hiện thanh toán cổ tức là 05/02/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng doanh thu	407.661.806.436	515.447.587.688
+ Doanh thu sách hỗ trợ, sách giáo khoa	379.297.705.067	490.824.103.432
+ Doanh thu sách tham khảo	21.962.826.751	16.946.366.406
+ Doanh thu hoạt động khác	6.401.274.618	7.677.117.850
Cộng	407.661.806.436	515.447.587.688

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
Hàng bán bị trả lại	11.360.037.540	15.441.715.752
+ Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ, sách giáo khoa	9.807.575.246	15.005.675.685
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	1.368.180.200	392.740.200
+ Hàng bán bị trả lại khác	184.282.094	43.299.867
Cộng	11.360.037.540	15.441.715.752

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn hàng bán	315.799.087.402	420.265.090.466
+ Giá vốn sách hỗ trợ, sách giáo khoa	294.434.726.399	401.340.405.147
+ Giá vốn sách tham khảo	16.711.578.420	12.983.942.111
+ Giá vốn hoạt động khác	4.652.782.583	5.940.743.208
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.583.301.819	948.327.302
Cộng	328.382.389.221	421.213.417.768

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.962.351.349	767.649.717
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	769.232.784	2.785.773.010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	985.865.000	1.015.060.000
Cộng	3.717.449.133	4.568.482.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	-	440.180.450
Chiết khấu thanh toán nhanh	276.691.052	698.585.887
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.451.981.825	33.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí tài chính khác	72.107.099	122.083.290
Cộng	1.800.779.976	1.293.849.627

28. Chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	8.519.896.713	10.183.607.393
Chi phí nhân viên bán hàng	10.741.730.831	9.993.133.257
Các khoản khác	16.180.575.181	24.856.758.446
- Chi phí khấu hao	654.404.000	351.379.360
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	4.669.153.381	9.596.466.774
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	7.585.886.280	12.587.286.993
- Chi phí khác	3.271.131.520	2.321.625.319
Cộng	35.442.202.725	45.033.499.096

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	2.201.195.781	3.549.503.877
Chi phí nhân viên quản lý	10.809.084.127	9.993.514.645
Các khoản khác	7.883.295.119	7.876.693.975
- Chi phí khấu hao	848.944.600	1.396.535.000
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(92.067.736)	(238.484.870)
- Chi phí khác	7.126.418.255	6.718.643.845
Cộng	20.893.575.027	21.419.712.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.500.273.079	15.511.896.527
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.778.903.086	4.531.407.551
Điều chỉnh tăng	2.764.768.086	5.546.467.551
- Chi phí nộp phạt hành chính, thuế truy thu	-	105.128.707
- Chi phí không hợp lệ	2.764.768.086	5.441.338.844
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	985.865.000	1.015.060.000
Tổng thu nhập chịu thuế	15.279.176.165	20.043.304.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.055.835.233	4.111.292.898
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	3.055.835.233	4.008.660.816
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	102.632.082

31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.444.437.846	11.400.603.629
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.088.887.569)	(2.850.150.906)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	2.088.887.569	2.850.150.906
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.355.550.277	8.550.452.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.793	1.835

(*) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 được tính theo lợi nhuận sau thuế trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 19/NQ-ĐHĐCĐ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.123.815.178	14.175.520.483
Chi phí nhân công	21.550.814.958	19.986.647.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.503.348.600	1.747.914.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.570.236.727	75.715.823.291
Chi phí khác bằng tiền	21.103.492.837	30.835.676.442
Cộng	127.851.708.300	142.461.582.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nợ vay nên không có rủi ro về lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu và thuê in gia công từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc biến động giá đầu vào. Nhà cung cấp là Nhà Xuất bản Giáo dục và các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	62.470.603.722	-	62.470.603.722
Chi phí phải trả	23.725.899.306	-	23.725.899.306
Phải trả khác	764.650	-	764.650
Cộng	86.197.267.678	-	86.197.267.678

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	26.234.871.552	-	26.234.871.552
Chi phí phải trả	30.914.155.160	-	30.914.155.160
Phải trả khác	17.839.650	-	17.839.650
Cộng	57.166.866.362	-	57.166.866.362

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.285.038.042	-	21.285.038.042
Đầu tư tài chính	6.068.600.000	1.350.000.000	7.418.600.000
Phải thu khách hàng	110.710.995.957	-	110.710.995.957
Phải thu khác	18.009.589	-	18.009.589
Cộng	138.082.643.588	1.350.000.000	139.432.643.588

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.203.733.540	-	68.203.733.540
Đầu tư tài chính	16.083.600.000	1.350.000.000	17.433.600.000
Phải thu khách hàng	30.314.568.516	-	30.314.568.516
Phải thu khác	253.454.795	-	253.454.795
Cộng	114.855.356.851	1.350.000.000	116.205.356.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Cam kết thuê hoạt động

Thuê lại 6.591 m² đất và cơ sở hạ tầng tại đường số 2, Khu công nghiệp Hoà Cầm, Phường Cẩm lệ, Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng thuê lại đất số 38/2010/HĐTLD/IZI ngày 16/04/2020 ký với Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm. Mục đích thuê: làm kho chứa sách, vật tư. Thời hạn thuê: 40 năm, từ 22/05/2007 đến hết ngày 22/05/2047 và có thể gia hạn thời gian theo thỏa thuận. Phương thức thanh toán: thanh toán tiền thuê lại đất 20 năm một lần, Công ty đã thanh toán đến 22/05/2027.

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc

Công ty đầu tư
Công ty liên kết
Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Mua hàng	Năm 2025	Năm 2024
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	222.123.876.368	274.982.787.855
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	2.967.920.936	3.744.277.661
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	1.187.695.072	-
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	8.251.832.774	1.814.205.758
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	11.004.208.154	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.399.400.000	150.000.000
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	8.147.362.903	1.444.326.614
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	297.428.060	672.903.300
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	621.770.140	302.063.580
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	7.221.601.200	5.609.833.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	37.961.232.530	37.786.367.471
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	6.703.851.314	11.469.894.569
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	703.592.100	-
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	376.858.836	56.435.730
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	-	1.038.729.275
Bán hàng	Năm 2025	Năm 2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	7.245.247.829	9.209.761.877
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	977.297.740	-
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	-	2.918.237
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	20.780.198.457	29.550.345.801
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	479.075.163	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	413.370.799	357.164.760
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	254.453.100	999.189.716
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	27.598.881	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	433.684.669	1.672.356.497
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	149.720.101	1.589.350.285
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	211.088.820	-
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	659.880.807	898.222.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025	Năm 2024
Thù lao Hội đồng quản trị		260.666.646	156.000.000
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch từ ngày 18/04/2025	49.666.662	-
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch đến ngày 18/04/2025	12.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	58.666.662	36.000.000
Ông Ông Thừa Phú	Thành viên	46.777.774	24.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	46.777.774	24.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Thành viên từ ngày 24/03/2023	46.777.774	24.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát		58.388.896	30.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Trưởng BKS từ ngày 18/04/2025	24.222.224	-
Ông Trần Công Thanh	Trưởng BKS đến ngày 18/04/2025	4.500.000	18.000.000
Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên BKS	14.833.336	6.000.000
Ông Phạm Minh Nhật	Thành viên BKS	14.833.336	6.000.000
Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách			
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch từ ngày 18/04/2025	460.100.000	-
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng		2.715.629.750	2.847.929.248

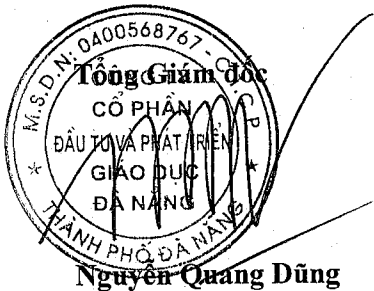
37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 52/NQ-DEIDCO-HĐQT ngày 27/12/2025 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt là 15%/mệnh giá. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2025 là ngày 23/01/2026, ngày thực hiện thanh toán cổ tức là 05/02/2026.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền